

Hệ thống tư pháp tổ tụng triều Nguyễn (1802-1884), giá trị và bài học kinh nghiệm trong cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay

Hà Thị Lan Phương*

Nhận ngày 29 tháng 3 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Tóm tắt: Những đóng góp của triều Nguyễn nói chung và hệ thống tư pháp tổ tụng triều Nguyễn nói riêng trong lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu làm sáng tỏ. Một trong những thành tựu của triều Nguyễn là thống nhất tổ chức tư pháp và định chế tổ tụng, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong quá trình xây dựng và vận hành Nhà nước. Bài viết này nhận diện và phân tích sự độc đáo, tiến bộ của một số chế định tư pháp tổ tụng triều Nguyễn giai đoạn độc lập từ năm 1802 đến năm 1884: về thẩm quyền và trình tự tổ tụng; thủ tục, quy trình, hoạt động và giám sát tổ tụng; phân loại vụ việc; các tiền lệ hành chính tư pháp; phạt tiền và chuộc hình phạt bằng tiền; chế độ “Đình nghị”, “Thu thẩm”, “Kinh lược sứ”, “Tam pháp Ty”. Từ đó tìm ra những giá trị và bài học kinh nghiệm, xây dựng hệ thống tư pháp đương đại đảm bảo công lý, pháp quyền và tiến bộ.

Từ khóa: Tư pháp, pháp luật tổ tụng, triều Nguyễn, giá trị, bài học.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The contributions of the Nguyễn Dynasty and the Nguyễn Dynasty's procedural law in Vietnam's history of the state and the law still have several issues that need to be clarified. One of the achievements of the Nguyễn Dynasty in procedural law is unifying the judicial organization and legal institutions as a basis to ensure the observance of the law in the whole process of building and operating the state in all directions. This article studies, identifies and analyzes the uniqueness and progress of a number of judicial and procedural institutions under the Nguyễn Dynasty in the independent period from 1802 to 1884: authority and process of procedure; protocol, actions and monitoring procedure; classifying of cases in procedure, precedents; money fining and redeem the penalty with money; policies of “Đình nghị”, “Thu thẩm”, “Kinh lược sứ”, “Tam pháp Ty”. Based on the findings, the paper aims to find out values and lessons learned, building a judicial system to ensure justice, rule of law and progress.

Keywords: Judiciary, law procedure, Nguyễn Dynasty, values, lessons.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Thời Hậu Lê, nước Đại Việt đã có nhiều thành tựu pháp điển trong lĩnh vực tư pháp tổ tụng. Sang triều Nguyễn, các vị vua đặc biệt coi trọng tính pháp trị trong hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật tổ tụng thực tiễn. Các sử thần trong *Quốc sử quán triều Nguyễn* đã ghi chép về lịch sử Nhà nước và pháp luật với những giá trị nền gốc của thể chế mới thống nhất; về cơ quan tư pháp tổ tụng trung ương và địa phương; các chiếu, dụ, lệnh, chỉ về Hình Bộ, Đô sát Viện, Tam pháp Ty. Nội các triều Nguyễn đã hệ thống hóa các văn bản pháp luật đơn hành thành các tập Hội điển như:

* Trường Đại học Luật Hà Nội.
Email: halanphuong2017@gmail.com

*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*¹, *Đại Nam điển lệ toát yếu*², *Minh Mệnh chính yếu*³, mục đích chủ yếu giúp cho việc nghiên cứu học thuật và áp dụng pháp luật được thống nhất, đồng bộ. Các sự kiện và thực tiễn tố tụng được ghi chép trong các bộ chính sử biên niên.

Năm 1908, Tổng tài Cao Xuân Dục (2011: 7,8,16,17) biên soạn *Quốc triều luật lệ toát yếu* (Bộ luật Duy Tân) là bộ luật lược giản, tóm tắt *Hoàng Việt luật lệ* và một số nghị định bổ sung. Lời tựa ghi rằng: “Bộ luật mới này ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu “thực dụng” của xã hội, giúp cho quan lại dễ dàng hơn khi áp dụng luật lệ vào xử án, đồng thời giúp cho dân chúng thuận lợi trong việc nắm bắt luật pháp”. Đây là bộ luật dùng để áp dụng trong giảng dạy luật cho người cai trị. Bởi “ngay từ đầu nếu không dạy kỹ học trò, sau này lại trao quyền cai trị cho họ, không biết cách cầm dao mà cho cắt gắm, như vậy phương hại thực nhiều lắm”. “Người cầm nắm pháp luật là cha mẹ của dân”, “bậc trí giả, dùng nhà ngục làm phúc đường”, “dùng hình để hỗ trợ cho giáo hóa”, “người dân được giáo hóa thì không còn bị móc túi chốn tụng đình”.

Đã có nhiều công trình ở trong nước và nước ngoài nghiên cứu về hệ thống tư pháp tố tụng triều Nguyễn như: Nguyễn Thị Thu Thủy (2012) nghiên cứu về *Tính tích cực của “Hoàng Việt luật lệ” và giá trị của nó đối với nền tư pháp Việt Nam hiện đại*; Huỳnh Công Bá (2017) trong nghiên cứu *Định chế pháp luật và tố tụng triều Nguyễn (1802-1885)* đã đánh giá cao thể chế pháp luật và nền tư pháp tố tụng triều Nguyễn, có tính thống nhất, quy mô và hiệu quả (Huỳnh Công Bá, 2017: 569). Ngoài ra, còn có một số đề tài khoa học, bài tạp chí, luận án, luận văn có phần nội dung nghiên cứu sơ lược về pháp luật tố tụng quân chủ triều Nguyễn. Ở nước ngoài có thể kể đến công trình *A History of the Vietnamese* của Keith Weller Taylor, trong đó thể hiện một cách nhìn mới về nền kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và luật pháp truyền thống Việt Nam thời Nguyễn. Yoshiharu Tsuboi (1992) trong *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* cũng đã đánh giá rằng, nhìn tổng thể, thành tựu của triều Nguyễn là đã thống nhất được nền hành chính - tư pháp tố tụng, kiến tạo pháp luật hội nhập, bền vững và hiệu quả, từ Gia Long đến Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức. Triều Nguyễn, khi đối diện với Pháp và Trung Hoa, thật không dễ dàng (Yoshiharu Tsuboi, 1992).

Đặc biệt, xét riêng về hình thức và nội dung luật tố tụng còn phải kể đến các công trình của Deloustal, Aubaret, Philastre, Lingat người Pháp sơ lược về cổ luật và nền tư pháp Việt Nam. Nghiên cứu của Luật sư Tiến sỹ Phan Văn Trường về pháp luật triều Nguyễn so sánh với luật Đại Thanh, tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa *Hoàng Việt luật lệ* và *Đại Thanh luật lệ*.

Lược sử cho thấy, mặc dù đã có những công trình nghiên cứu sơ lược về tư pháp tố tụng triều Nguyễn (1802-1884), nhưng vẫn còn thiếu những nghiên cứu tổng thể, toàn diện, chuyên sâu. Nhất là, từ những nhận định, đánh giá còn mâu thuẫn của các học giả trong thế kỷ XX về triều Nguyễn, chúng tôi nhận thấy cần nhận diện kỹ càng, đầy đủ, toàn diện hơn, lý giải từ nguyên nhân, hệ quả đến giá trị của đời sống pháp luật, của hệ thống tư pháp từ triều Lê sang triều Nguyễn, ở cả giai đoạn độc lập và thuộc địa, cũng như những ảnh hưởng của nó đến tiến trình phát triển của nền tư pháp hiện nay.

Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp luận biện chứng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp cụ thể như: phương pháp nghiên cứu đồng đại, lịch đại, so sánh, văn bản học,... Tư liệu chính được sử dụng cho nghiên cứu là hệ thống các văn bản pháp luật,

¹ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* tập hợp điển chương chế độ, điển pháp theo thẩm quyền Lục Bộ. Nội các triều Nguyễn biên soạn vào giữa thế kỷ XIX. Bộ sách gồm 262 quyển, tập hợp khá đầy đủ, tường tận các dụ lệnh, chiếu chỉ, tấu sớ của triều đình nhà Nguyễn từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đến năm Tự Đức thứ 4 (1851), việc thi hành pháp luật, hoạt động Lục Bộ, chức trách Bộ Hình, các viện, ty, tào một số điển lệ sửa đổi.

² *Đại Nam điển lệ toát yếu* là bộ Hội điển tập hợp văn bản pháp luật bổ sung từ Gia Long đến Thành Thái. Sách gồm 4 quyển: quyển 1: Lại lệ; quyển 2: Hộ lệ; quyển 3: Lễ lệ; quyển 4: Binh lệ, Hình lệ, Công lệ.

³ *Minh mệnh chính yếu* tập hợp những văn bản quản lý và những sự kiện tiêu thời vua Minh Mệnh. Theo các chủ đề: kính thiên, ái dân, kiến quan, cần chánh, trọng nông, sùng kiệm, lễ nhạc, giáo hóa, chế binh, thận hình, tài phú, pháp độ, sùng văn, phần võ, quang ngôn luận, phòng thủ, phủ biên, nhu viễn.

bộ luật, hội điển, điển chế. Ngoài ra, các bộ biên niên sử và các thư tịch có giá trị minh chứng, bổ sung về ứng dụng pháp luật. Dựa trên cơ sở nguồn văn bản pháp luật và sử liệu gốc, chúng tôi tiến hành nhận diện những nội dung, bản chất của cổ luật, so sánh với phong tục tập quán xã hội đương thời, nhận diện cấu trúc, vận hành và giá trị quản lý xã hội của nền tư pháp triều Nguyễn.

2. Hệ thống tư pháp và pháp luật tố tụng triều Nguyễn (1802-1884)

Hệ thống tư pháp và pháp luật tố tụng là một bộ phận cấu thành quan trọng của bộ máy quản lý nhà nước, là yếu tố đảm bảo nguyên tắc pháp chế, pháp trị. Tổ chức tư pháp và định chế tố tụng là cơ chế đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, xử lý vi phạm trong toàn bộ quá trình hoạt động của nhà nước quân chủ triều Nguyễn từ trung ương đến địa phương cơ sở. Kế thừa những thành tựu của các triều đại từ Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ, Mạc, Lê - Trịnh, chúa Nguyễn; triều Nguyễn đã từng bước thống nhất đất nước, xây dựng bộ máy chính quyền, ban hành pháp luật, chuẩn định về tư tưởng chính trị - pháp lý, về nguyên tắc, tổ chức, thẩm quyền và vận hành hệ thống tư pháp xét xử.

2.1. Mô hình và thẩm quyền tư pháp xét xử triều Nguyễn (1802-1884)

2.1.1. Mô hình tư pháp xét xử thời Nguyễn

Chính thể quân chủ thiết lập theo nguyên tắc “tôn quân quyền”, vua là người đứng đầu hệ thống tòa án, thẩm quyền tư pháp tối cao thuộc về Hoàng đế (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996, t.1). Chế độ tư pháp quân chủ phong kiến Việt Nam có những đặc điểm cơ bản như sau: (i) Hệ thống tư pháp tòa án, hành chính, quân sự là một chỉnh thể thống nhất; (ii) Pháp quan thẩm phán đồng thời là các quan đứng đầu đơn vị hành chính quân sự kiêm việc tư pháp xét xử; (iii) Hệ thống giám sát kiểm soát hành chính - tư pháp tố tụng được xây dựng quy mô, đồng bộ, theo cơ chế 3 bên, 3 hệ, 3 tầng; (iv) Hình thành một số tiền lệ tư pháp tiến bộ, nghiêm minh, hiệu quả như: công đồng, đình nghị, thu thẩm, đặng văn, hồi ty, lưu quan, dưỡng liêm; (v) Tam pháp Ty là một thể chế tư pháp liên ngành, đặt dưới sự điều hành của Hoàng đế, đảm bảo nguyên tắc tập quyền kết hợp với phân quyền và tản quyền trong tư pháp, tố tụng.

So sánh trong nền quân chủ nghìn năm của nước Đại Việt - Đại Nam, hệ thống tư pháp triều Nguyễn có quy mô lớn nhất, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, tiến bộ và hiệu quả. Như học giả Huỳnh Công Bá khẳng định: “Triều Nguyễn không chỉ xây dựng được một thiết chế nhà nước trung ương tập quyền hoàn thiện, có bề thế, vững mạnh, mà còn *tổ chức ra được một hệ thống hoạt động về tư pháp có kỷ cương*, dựa trên một nền pháp chế có hiệu lực và chuyên chế” (Huỳnh Công Bá, 2017: 569).

Toàn bộ quy trình giải quyết một vụ án từ nhận đơn khởi kiện, thụ lý, điều tra, xét hỏi, khám nghiệm, khảo cung, giam giữ, xét xử, và thi hành án đều thuộc thẩm quyền của một Nha môn. Những quy định này nhằm đảm bảo sự độc lập, khách quan của vụ án, đảm bảo quyền tự quyết định của quan xét xử, đồng thời cũng ràng buộc trách nhiệm của pháp quan đối với công vụ tư pháp theo thẩm quyền luật định, song cũng tạo nên tính chuyên chế, độc quyền.

Trên cơ sở những thành tựu pháp luật thời Lê sơ, Lê Trịnh, học tập pháp luật Minh - Thanh Trung Quốc (*Đại Minh luật*, 1998; *Đại Thanh luật lệ*, 1999), các nhà lập pháp triều Nguyễn đã nhanh chóng ban hành Bộ luật thống nhất, hệ thống hóa pháp luật trong các tập Hội điển, lưu trữ văn bản trong Mộc bản, Châu bản và biên chép chính sách pháp luật mới bổ sung trong chính sử. Những chế định pháp luật về tư pháp tố tụng trong bộ *Hoàng Việt luật lệ (HVLL)* quy định chủ yếu ở các chương, quyền như: *Danh lệ*, *Luật Lại*, *Chức chế*, *Luật Hộ*, *Luật Binh*, *Luật Hình*, *Luật Công*, *Luật hình về sự phán quyết bản án*, *Tỷ dẫn điều luật* và được giải thích, bổ sung bằng các Điều lệ. Trong 398 điều luật có 229 điều có các điều lệ bổ sung và hướng dẫn áp dụng thi hành (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996, t.1,2,3,4). Trong các bộ Hội điển, pháp luật về tố tụng và xử lý vi phạm được phân loại theo các lĩnh vực quản lý chuyên ngành và theo thẩm quyền Lục Bộ:

Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công; “Pháp độ” “Thận hình” trong *Minh Mệnh chính yếu*, “Hình lệ” trong *Đại Nam Điển lệ toát yếu*, các sự kiện về tư pháp tố tụng điển hình trong *Đại Nam thực lục chính biên*.

Theo đó, thẩm quyền xét xử vụ việc chủ yếu căn cứ vào 3 yếu tố: (i) lãnh thổ, địa hạt nơi xảy ra vụ việc; (ii) mức độ nặng nhẹ, tính chất chuyên môn và tầm ảnh hưởng của vụ việc; (iii) vụ kiện có liên quan đến quân dân, quan lại hay thương mại. Đó là căn cứ, điều kiện cơ bản để xác định thẩm quyền xét xử theo thông lệ hay biệt lệ.

Tổ chức tư pháp và trình tự tố tụng chủ yếu qua 3 cấp như sau: *Thứ nhất*, nha môn cấp huyện (châu): xét xử sơ thẩm, tội quân, đồ, lưu (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996, t.1); *Thứ hai*, nha môn cấp phủ, tỉnh: xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và chung thẩm các bản án cấp huyện trình lên, xử sơ thẩm án tử tại địa phương; *Thứ ba*, nha môn *cấp trung ương*: Bộ Hình, Đại lý Tự, Đô sát Viện, Tam pháp Ty: xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, chung thẩm các án tử địa phương trình lên.

Các vụ án lớn, mang tính quốc gia thuộc thẩm quyền của Bộ Hình, phúc thẩm tại Tam pháp Ty, nhà vua sẽ là vị thẩm phán tối cao xử chung thẩm (Điều 376 - *HVLL*). Những vụ án *tại Kinh đô*, Phủ Doãn đường sau khi xét xử, trình án lên Bộ Hình, Đại lý Tự, và Đô sát Viện. Quy trình của một vụ án theo thông lệ là qua 3 cấp xét xử: 1 cấp sơ thẩm, 2 cấp phúc thẩm đồng thời là giám đốc thẩm; nếu không có sai sót, không có khiếu nại sẽ có hiệu lực chung thẩm.

2.1.2. Thẩm quyền xét xử ở cấp địa phương thời Nguyễn

Thế chế tư pháp tố tụng triều Nguyễn được xây dựng theo nguyên tắc tập quyền thống nhất. Thẩm quyền giải quyết vụ án từ nhận đơn, điều tra, khám nghiệm, giam giữ, xét xử thi hành án tại địa phương đều thuộc về Nha môn từ cấp huyện trở lên.

Tổng, xã mặc dù không được coi là một cấp xét xử nhưng đóng vai trò rất quan trọng trong toàn bộ quy trình tố tụng. Từ việc quản lý dân cư, thủ tục văn bản giấy tờ, chứng cứ, chứng thực, lập biên bản, khám nghiệm, phối hợp với cấp huyện, phủ để tầm nã, truy bắt tội phạm, niêm phong tài sản, quản chế việc chấp hành bản án tại địa phương (Điều 305, 355, 358 - *HVLL*) (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996, t.3). Trong lịch sử, thời Lý Trần, Lê sơ, Lê Trịnh trước năm 1718, cấp xã có thẩm quyền xét xử các vụ việc “tội tiểu sự” (Điều 672 - *Quốc triều Hình luật*). Sau năm 1718, cấp xã có thẩm quyền hòa giải và xử lý các vụ tranh chấp, xích mích, các vụ việc về hôn nhân, cưới gả, các việc về tranh chiếm đất đai, ao vườn, những xung đột trong cộng đồng, làng xóm, dòng họ, gia đình. Như vậy, xã tổng chủ yếu có quyền hòa giải về dân sự, hôn nhân, tranh chấp đất đai, dân cư, cộng đồng; phối hợp với cấp huyện, phủ, tỉnh, về tư pháp xét xử; truy bắt tội phạm, niêm phong tài sản và thi hành bản án.

Cấp huyện (châu), phủ được phép xử *sơ thẩm* các tội quân, đồ, lưu. Việc tiếp nhận đơn từ, thụ lý hồ sơ và xét xử do các quan tri huyện, tri châu, tri phủ thực hiện. Đối với các án xử tại cấp huyện, phủ, chế tài xuy, trượng được phép thi hành. Các mức hình phạt từ đồ trở lên, phải trình lên quan cấp trên và quan Án sát cấp tỉnh để thẩm xét lại.

Cấp tỉnh (Kinh đô - Phủ Doãn đường) được phép xử *phúc thẩm* và *giám đốc thẩm* các bản án từ cấp huyện, phủ trình lên và xét xử sơ thẩm tội tử, do các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Đề đốc, Lãnh binh và quan Phủ doãn tại Kinh đô thực hiện.

Thời Gia Long, tại các doanh, trấn, là đơn vị hành chính quân sự tương đương với cấp tỉnh có chức Trấn thủ, Ký lục xét xử về hình án, cấp thành có Tào hình. Từ năm 1831 thời Minh Mệnh, nhà vua cải cách bỏ cấp thành, doanh, trấn và các chức Trấn thủ, Ký lục, Tào hình, Tổng trấn.

Bộ *HVLL* còn quy định thẩm quyền xét xử căn cứ vào 3 loại vụ việc chính như: *việc dân* bao gồm cả hình sự và dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, châu, phủ; *việc quân* gồm các vụ việc liên quan đến quân sự, quân đội, thực hiện xét xử theo Quân pháp thuộc các Doanh, Vệ, thuộc quyền Đề đốc, Lãnh binh; *việc thương mại* liên quan đến buôn bán, vay nợ, tiền bạc, giải quyết ở cấp huyện, phủ, cao nhất là Thượng ty (Tổng đốc, Tuần phủ) cấp tỉnh. Nếu vụ việc liên quan cả việc quân và việc dân như: quân nhân phạm tội nhân mạng, gian dân, trộm cắp, đánh người,

ruộng đất, cưới hỏi thì thẩm quyền 2 bên quân doanh, vệ, sở và quan ty các nha môn hội bàn cùng giải quyết. Cách phân loại tố tụng này mang tính khái quát hơn trong *Quốc triều Hình luật* và *Quốc triều Khâm tụng* thời Lê sơ và Lê Trịnh.

Quan chức phạm tội được xét theo thủ tục riêng, thuộc quyền cấp tỉnh, Lại Bộ, Đô sát Viện, Tam pháp Ty, Kinh lược sứ và Hoàng đế. Người trong hoàng tộc phạm tội thuộc quyền xét xử của *Tôn nhân phủ* (Điều 3, 6, 9, 301, 310 - *HVLL*). Đây là đặc điểm của chế độ tố tụng thời quân chủ, xuất phát từ quan điểm trọng người trong họ tộc góp công lập nước. Cùng với việc bảo vệ sự tôn nghiêm cao quý của Hoàng tộc, quan đại thần và các quan lại có tước phẩm cao đều được ưu đãi theo luật *Bát nghị*⁴. Đối với tội không quá nghiêm trọng, xử giam chờ mùa thu phúc thẩm có thể được nhà vua cho phép chuộc hình phạt bằng tiền.

2.1.3. Thẩm quyền xét xử ở cấp trung ương thời Nguyễn

Trong quy định của *HVLL*, pháp luật hạn chế xét xử vượt cấp lên trung ương. Chỉ trong trường hợp án liên quan đến quan chức, các vụ trọng án như đồ, lưu, tử hoặc án xử nặng mà tội nhân khiếu kiện kêu oan thì mới được trình lên Thượng ty, Thống quan phúc thẩm, quyền ra phán quyết chung thẩm cuối cùng thuộc về Tam pháp Ty, Công đồng, Đình nghị và nhà vua. Triều Nguyễn có nhiều sáng tạo trong việc tạo lập các *Tiền lệ hành chính* và *Tiền lệ tư pháp* như: ngự điện thánh chánh, hội đồng tước nghị, nhập trực nội đình, lưu quan, công đồng, đình nghị, thu thẩm, đăng văn, phép nhuận đồ và nhu viễn nhân.

Thẩm quyền tố tụng của Hình Bộ là cơ quan chuyên trách về hình án thuộc cấp trung ương, Bộ Hình có nhiệm vụ “thảo luận nguyên lý và pháp luật, tấu lên đối chiếu và xét xử những tội nặng như tử tội, phúc thẩm các nghi án, xếp đặt lao ngục, đặt ra các chính sách đối với tù phạm như cơm áo, thuốc men... đều là nhiệm vụ của Bộ Hình” (Vũ Quốc Thông, 1972: 126). Chức quan Hình bộ Thượng thư đứng đầu có quyền duyệt lại những tội nặng, án ngờ, xét kỹ những tù giam ngục cấm, cùng là coi việc hình danh pháp luật. Quyền tối cao xét xử các vụ trọng tội như: đồ, lưu, tử đều tập trung tại cấp trung ương và chủ yếu do nhà vua phê chuẩn và ra phán quyết cuối cùng.

Thẩm quyền của Đô sát Viện là cơ quan đảm nhiệm các quyền và nhiệm vụ của Ngự sử đài và Lục khoa thời Lê, có nhiệm vụ chủ yếu là giám sát Lục Bộ, giám sát nền hành chính tư pháp, đồng thời kiểm tra soát xét phẩm cách của quan lại trong điều hành chính sự và tư pháp tố tụng, có quyền “đàn hặc” bách quan. Ngoài việc kiểm soát hoạt động của bộ máy nhà nước từ cấp địa phương đến trung ương, Đô sát Viện tham gia Hội đồng xét xử phúc thẩm Tam pháp Ty, tranh biện các vụ trọng án tại triều đình.

Thẩm quyền của Đại lý Tự là cơ quan xét lại các bản án có đơn khiếu nại dâng lên vua, hoặc đương sự ở các tỉnh trình đơn lên cấp trung ương, trước tiên đều giao Đại lý Tự xem xét. Những tội nhân bị khép trọng tội - tử tội, những vụ án có mối ngờ và khó xét, Đại lý Tự sẽ cùng với Bộ Hình mà hội đồng xét xử.

Thẩm quyền của Tam pháp Ty là cơ quan xét xử liên ngành, bao gồm đại diện cao nhất của Hình Bộ, Đại lý Tự và Đô sát Viện. Thẩm quyền xét xử phúc thẩm của Tam pháp Ty tương đối độc lập với cơ quan hành chính. Tam pháp Ty có trụ sở là Công chính đường, dấu triện riêng, có quyền xét xử thu thẩm, phúc quyết, làm tờ trình lên nhà vua để xin giảm án hoặc ân xá cho phạm nhân, án xử phạt xuy trượng, Tam pháp ty có thể thực thi ngay tại công đường. Là cơ quan đảm bảo việc mở rộng quyền khiếu nại của các đương sự đối với bản án xét xử ở địa phương. Hàng tháng, vào các ngày

⁴ *Bát nghị*: Tám trường hợp được giảm nhẹ hình phạt khi phạm tội: *Nghị thân*: họ hàng tôn thất của vua, *Nghị cố*: người giúp việc vua lâu năm, *Nghị hiên*: người có đức hạnh lớn, *Nghị năng*: người có tài năng lớn, *Nghị công*: người có công huân lớn, *Nghị quý*: quan viên từ tam phẩm trở lên, *Nghị cần*: người cần cù chăm chỉ công vụ, *Nghị tân*: con cháu triều vua trước.

mồng 6, 16 và 26 âm lịch, các đương sự được quyền đến Công chính đường trực tiếp nộp đơn khiếu tố về các vụ kiện mà mình không tuân phục hoặc đã bị quan địa phương xử oan ức. Nếu trường hợp khẩn thiết thì cho phép đánh Trống đăng văn kêu oan bất kể ngày đêm, thường trực của Tam pháp Ty sẽ trực tiếp giải quyết. Tuy nhiên, để hạn chế những trường hợp kháng cáo vượt cấp hoặc kêu oan thiếu căn cứ, pháp luật quy định: “Nếu các quan phủ, tỉnh và Thượng ty, Thống quan đã xét xử xong xuôi, công bằng lại vẫn đưa đơn khiếu đến Công chính đường, đều chiếu Luật Vi chế xử tăng một bậc” (Điều 310 - HVLL). Tam pháp Ty là một trong những thiết chế tiền bộ của quy trình tố tụng ở cấp cao và tối cao, chủ thể hầu hết là các bậc đại công thần tài năng được vua đặc biệt tin cậy.

Hội đồng xét xử cao nhất là Đình nghị, triều đình nghị bàn, xét xử tập thể trên cơ sở “*Hội đồng đình thần*” dưới quyền chủ trì và điều khiển của nhà vua. Tất cả các bản trọng án do các Nha môn địa phương cấp tỉnh tuyên xử phúc thẩm mà đương sự không tuân phục hoặc có oan khuất, hoặc phát sinh tình tiết mới thì được quyền khiếu nại lên triều đình Hội đồng phúc thẩm tối cao. Nhà vua tham khảo ý kiến của Hội đồng Đình nghị, tranh biện để ra phán quyết cuối cùng (Quốc sử quán triều Nguyễn, ĐNTL, 2002: 559, 560, 627).

Nhìn chung, thẩm quyền xét xử cả hai cấp trung ương và địa phương trong HVLL, Hội điển được quy định khá cụ thể, đảm bảo tính khách quan. Tuy nhiên, do mục tiêu cơ bản là bảo vệ quyền thống trị tối cao của nhà vua, vì lợi ích hoàng tộc dòng họ Nguyễn Phước, vì quyền lợi của quan lại đại địa chủ Đàng Trong nên bộ HVLL và Hội điển còn có những quy định xử phạt rất nghiêm khắc. Trong sự điều chỉnh của pháp luật đối với xã hội Đại Nam cũng như trong áp dụng pháp luật, triều Nguyễn vẫn có sự phân biệt đối xử, hạn chế quyền của một số chủ thể cộng đồng dân cư, tôn giáo, các khai quốc huân thần và hậu duệ của nhà Lê - Trịnh và Tây Sơn.

2.1.4. Cơ quan giám sát tư pháp tố tụng triều Nguyễn

Tổ chức cơ quan giám sát triều Nguyễn được xây dựng khá quy mô chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, bao gồm cả giám sát hành chính, giám sát quân sự, tư pháp và giám sát chuyên môn. Nhìn dưới góc độ tư pháp xét xử, cơ chế bao gồm cả giám sát trong, giám sát ngoài và thanh tra độc lập.

Cơ chế giám sát trong từ 2 đến 3 tầng kiểm soát trực tiếp từ cấp trên xuống cấp dưới; định chế này vừa mang tính phúc thẩm, vừa đồng thời là giám đốc thẩm; thông lệ, nếu 2 cấp phúc thẩm và giám đốc thẩm đồng thuận với sơ thẩm, không có sai sót, không có kháng cáo, kháng nghị, bản án sẽ có hiệu lực chung thẩm; sau đó nha môn trình lên cấp trên phê chuẩn; chỉ những bản án nào cấp trên không đồng thuận, mới trình lên Thượng ty xem xét, nếu thấy sai sót, hoặc có tình tiết mới sẽ trả về để điều tra xét xử lại theo thủ tục tái thẩm.

Cơ chế giám sát ngoài thể hiện trong thẩm quyền và hoạt động của Đô sát Viện. Đô sát Viện có quyền giám sát hoạt động của Nội các, Lục Bộ, Đại lý Tự, các cơ quan chuyên môn ở trung ương. Đô sát Viện đặt Cai đạo Ngự sử giám sát các tỉnh về hành chính, tư pháp xét xử và quân sự an ninh. Cai đạo Ngự sử còn có thẩm quyền “*đàn hạch*” quan lại các cấp trong thực thi công vụ. Đô sát Viện thời Nguyễn là cơ quan có thẩm quyền giám sát tổng thể, kết hợp giám sát công vụ, giám sát chuyên môn, giám sát tư pháp xét xử và hành chính quân sự. Cơ chế giám sát Đô sát Viện kết hợp các Khoa - Đạo, từ các Bộ đến các địa phương chặt chẽ, nghiêm minh, hiệu quả.

Cơ chế thanh tra độc lập là chế độ Kinh lược sứ và Kinh lược Đại thần. Quan được cử đi kinh lược có đặc quyền do vua ban, cho phép “*tiền trăm hậu tấu*” để kịp thời xử lý quan lại lạm nhũng ở các địa phương. Nếu là quan đứng đầu các chức vụ cấp tỉnh phạm pháp thì phải tâu lên vua rồi mới theo lệnh mà xử lý. Bên cạnh đó, để kịp thời phát hiện ra những sai lầm, vi phạm trong công vụ, triều Nguyễn quy định Nội các (Nội các triều Nguyễn, 2008) có quyền “*hặc tấu*” “*đàn hạch*” đối với Lục Bộ và các cơ quan ở trung ương, trong đó có cơ quan tư pháp và công vụ tư pháp. Quan lại các cấp có quyền “*mật tấu*”, nghĩa là bí mật tâu lên vua về những sai phạm của quan chức trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Như vậy, có thể nhận thấy tổ chức và cơ chế vận hành cơ quan giám sát, thanh tra hoạt động công vụ hành chính tư pháp triều Nguyễn là rất chặt chẽ, quy củ, liên thông, thống nhất. Cơ chế phân quyền, tản quyền, ba bên, ba tầng, giúp cho nhà vua nắm giữ và kiểm soát được tình hình đất nước, hoạt động công vụ hành chính, quân sự và tư pháp nhanh chóng, kịp thời.

2.2. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục tư pháp tố tụng triều Nguyễn

Trên thực tế, qua nghiên cứu quá trình lập pháp, hình thức và nội dung pháp luật thời kỳ này, cho thấy, nhà nước phong kiến quân chủ đã đạt được những thành tựu cơ bản. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục trong pháp luật tố tụng triều Nguyễn có nhiều điểm tiến bộ cần học tập, kế thừa và phát huy.

2.2.1. Nguyên tắc cơ bản trong hệ thống tư pháp tố tụng triều Nguyễn

Dưới góc độ lý luận, một số nguyên tắc trong trình tự và thủ tục tố tụng được thể hiện ở phần Danh lệ - Thông lệ, Lời tựa và thể chế hóa trong phần Bản điều của Bộ luật và Hội điển. Có thể khái lược một số nguyên tắc tố tụng cơ bản như sau: *Một là*: bảo vệ vương quyền và chủ quyền an ninh quốc gia; *Hai là*: quy định xét xử theo các cấp chính quyền và các cơ quan quản lý chuyên môn căn cứ vào thẩm quyền Lục bộ; *Ba là*: coi trọng chứng cứ, đảm bảo tính độc lập, tập quyền trong hoạt động xét xử; *Bốn là*: quy định rõ trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tố tụng; *Năm là*: áp dụng một số nguyên tắc tố tụng mang tính chuyên biệt như: tính tang luận tội, triết bán khoa tội, uổng pháp, bất uổng pháp, bất ưng vi, tỳ dẫn điều luật. Bên cạnh đó, các quan án còn phải tuân theo các nguyên tắc thông lệ như: vô luật bất hình, chiếu cố, nhân đạo, bất nghị, xét xử theo luật mới, hồi tố, bất hồi tố, tự thú, đối chất, biện minh, giam giữ, quản ngục, can danh phạm nghĩa, trọng chứng hơn trọng cung, ân xá, tha tù về chăm sóc cha mẹ già yếu, người nước ngoài vi phạm pháp luật Đại Nam. Các nguyên tắc này chi phối toàn bộ quy trình tố tụng, các quan lại khi vận hành, ứng dụng pháp luật đều phải tôn trọng và tuân thủ nghiêm minh.

2.2.2. Trình tự, thủ tục và phân loại vụ việc tư pháp tố tụng triều Nguyễn

Về trình tự, thủ tục và phân loại vụ việc, một số nhà nghiên cứu cho rằng trong thủ tục tố tụng, cỗ luật không phân biệt các vụ kiện về hình sự hay dân sự, tất cả các trường hợp phạm pháp đều phải chịu chế tài hình sự, kể cả những vụ việc mà ngày nay chúng ta xếp vào tính chất hành chính, dân sự, đất đai, tài chính, thuế lệ. Tuy nhiên, khi đi sâu nghiên cứu cụ thể văn bản, có thể nhận thấy, cỗ luật Việt Nam đã có sự phân biệt các thủ tục tố tụng chuyên sâu giữa các loại vụ việc. Phân loại vụ việc *dân sự* như: sở hữu, khế ước, thừa kế, cầm cố, vay nợ, cho thuê, bồi thường thiệt hại, cưới gả, đất đai, thuế lệ; vụ việc *hình sự* như: trộm cướp, giết người, đánh người, cờ bạc, gian dâm; vụ việc về *thương sự* như: mua bán hàng hóa, hàng giả, hàng lậu qua biên giới, hàng cấm mua bán, việc chợ, cửa hàng; vụ việc về *quan lại* hà lạm, ức hiếp, sách nhiễu, hối lộ, tham ô, quan lại phạm công tội, tư tội; vụ việc *quân sự* tại quân doanh, trên bộ, trên biển, trên sông, khi luyện tập, ra trận, xử theo quân pháp. Xét ở góc độ tư pháp tố tụng chuyên ngành, đây là một cấu trúc chuyên sâu nghiệp vụ chuyên môn mà thời đại ngày nay có thể học hỏi.

Ví dụ: việc quân, việc dân, việc quan, việc thương; việc nhân mạng, trộm cướp, đầu ầu, gian dâm; việc đất đai, thuế quan, hành chính, tài chính,... tùy mức độ gây hại để phân biệt nặng nhẹ, kết hợp xử lý hành chính, dân sự, hình sự, tiểu hình hay đại hình (Điều 44, 301, 305, 355 - 376 - HVLL).

Về thủ tục khởi kiện, pháp luật tố tụng triều Nguyễn rất chú trọng điều chỉnh về thủ tục khởi kiện, hạn chế kiện cáo vượt cấp, vượt thẩm quyền trong xét xử án tử. Nhìn chung, luật không cho phép kiện vượt cấp, kiện không đúng thẩm quyền. Luật định rằng: “Kiện vượt cấp là có tội” (Điều 301 - HVLL). Người tố cáo vượt cấp bị trị tội vì đã vi phạm về thủ tục tố tụng: “Nếu tố cáo vượt cấp thì dù có đúng sự thật cũng chiếu luật Vi chế xử 100 trượng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổng tài Cao Xuân Dục, 2011: 218-219). Đồng thời, pháp luật cũng xử trị rất nặng đối với tội vu cáo, nặc danh, can danh phạm nghĩa, bởi đó là hành vi thiếu đạo đức, nhân phẩm. Luật định rằng: vu cáo người ta

vào tội nào, thì theo tội vụ oan giáng họa mà định tội; can danh phạm nghĩa là làm tổn hại danh phận, là kẻ dưới ít tuổi mà phạm lỗi với bề trên, ty ấu phạm đến Tôn trưởng⁵, con cháu bất hiếu với ông bà cha mẹ tội không thể dung thứ. (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996; Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổng tài Cao Xuân Dục, 2011: 39-40).

Về thời hạn, luật quy định rõ ràng nghiêm cẩn, tránh để án kéo dài. Thủ tục tùy việc nặng nhẹ từ 1 đến 2, 3 tháng. Các vụ hình án từ 3 đến 6 tháng. Quy định Chế độ Thu thẩm để giải quyết trong năm, hạn chế kéo dài quá trình tư pháp tố tụng, tổn hại đến dân chúng.

Đối với đơn thư nặc danh, luật xử rất nghiêm khắc. Người nào “gửi thư nặc danh giấu giếm tên họ của mình, để nói về tội của người khác, xử giao giam hậu”; người bị tố cáo dù đúng sự thực cũng không bị xét xử. Nếu ai thấy loại đơn thư nặc danh thì phải thiêu hủy, nếu đưa lên quan ty, xử 80 trượng, quan ty mà nhận thụ lý, xử 100 trượng. Luật giải thích rằng: “Nặc danh là vừa có ý muốn hãm hại người ta vào tội lỗi, lại muốn đặt mình ra ngoài sự việc. Cái bụng dạ gian hiểm ngấm ngấm ấy phải diệt bỏ. Cho nên đặc biệt coi trọng luật này” (Điều 302 - HVLL).

Giải thích luật và các điều lệ định hướng xét xử, đây là một trong những điểm tiến bộ của HVLL, tuy chỉ có một bộ luật điều chỉnh mọi hoạt động trong xã hội, không có Bộ luật tố tụng riêng, nhưng mỗi phần Giải thích luật và các Điều lệ kèm theo đều là những phần định hướng xét xử. Trong HVLL có 560 điều lệ trên 398 điều luật, có 204 điều có điều lệ, nhiều nhất là 18 điều lệ bổ sung cho một điều luật. Trải qua các triều vua, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn ứng dụng, nhà vua tiếp tục bổ sung bằng các nghị bản, nghị định, quy định, lệnh, dụ, sắc chỉ, chuẩn đình nghị.

Trình tự, thủ tục tư pháp tố tụng: thừa kiện, thụ lý, giam giữ, thẩm vấn, khảo cung, chứng cứ, nhân chứng, vật chứng, bị can, bị cáo, bị hại, xét xử, thời hạn xử án, nguyên tắc định tội lượng hình; cáo trạng, tổng đạt bản án; ân xá, đại xá, đặc xá; các định chế về xử lý sai phạm của quan án trong quá trình tố tụng như: xuất nhập nhân tội, biện minh oan uổng, quan lại phạm công tội, tư tội; xử án Hoàng tộc và các vụ án cung đình do Tôn nhân phủ xét xử, Hoàng đế ra phán quyết cuối cùng; tất cả đều được quy định trong bộ HVLL và các bộ Hội điển (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996: t.1, 2, 3, 4). Một số vụ án điển hình được ghi chép sơ lược trong chính sử. Vấn đề lưu trữ án từ là một điểm yếu trong nền tư pháp tố tụng quân chủ Việt Nam.

2.2.3. Thi hành bản án trong đời sống thực tiễn, ân xá, đại xá

Thi hành bản án là một vấn đề quan trọng, căn cứ vào nhiều yếu tố để trừng trị nghiêm khắc hoặc cải tạo tội nhân. Theo quy định của pháp luật, các hình phạt như lăng trì, trăm kiêu, lục thi, chỉ quy định trong luật, phán quyết trong bản án, còn thực tiễn áp dụng có giảm nhẹ. (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996: t1). Triều Nguyễn áp dụng “Phép nhuận đờ”, đối với những tội ngoài Thập ác. Hình phạt lưu đày đổi thành 4 năm đờ, tử hình giảo trăm đổi thành 5 năm đờ; cho phép tội nhân được Chuộc hình phạt bằng tiền; trừ tội bất trung, bất hiếu, giết người. Triều Nguyễn cho phép tội nhân đến các vùng biên viễn, khẩn hoang, cho đem theo vợ con, đến nơi khai hoang lập ấp, được cấp công cụ và con giống, được coi như thường dân. Tuy nhiên, họ vĩnh viễn không được trở về cố hương. Ân xá, đại xá là một trong những quy định cơ bản trong luật tư pháp tố tụng quân chủ. Người phạm tội sau khi cải tạo, chấp hành hình phạt, còn có cơ hội và hy vọng trở về với gia đình, người thân. Theo luật triều Nguyễn, giảm nhẹ với người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ và người dân tộc thiểu số. Đối với gia đình đơn thân, góa bụa, cha mẹ già không còn ai phụng dưỡng, luật tư pháp tố tụng triều Nguyễn gia ân, cho phép người phạm tội trở về chăm sóc cha mẹ già, làm tròn bổn phận của người con, thực hiện đạo hiếu sinh.

⁵ Tôn trưởng: chỉ bề trên, người có địa vị đứng đầu gia đình, gia tộc; ty ấu: chỉ bề dưới trong thứ bậc gia đình, là hàng con cháu chắt chít, còn ít tuổi.

Mô hình cơ quan tư pháp - tổ tụng triều Lê và triều Nguyễn (1428-1788-1884)

Cơ quan tư pháp - tổ tụng	<i>Quốc triều hình luật - Quốc triều khám tụng điều lệ</i> (1428-1788)	<i>Hoàng Việt luật lệ</i> (1815-1884)
Cơ quan tư pháp - tổ tụng địa phương và kinh đô	(Xã) - Huyện - Châu - Phủ Lộ (Trần - Đạo - Xứ thừa tuyên): Trần thủ - Đốc trấn, Thừa ty, Đô ty, Hiến ty Kinh đô - Phủ Doãn đường (Phủ trung đô) (Đông kinh - Thăng Long) Hình Bộ (Thẩm hình Viện) (Ngũ hình viện) - Hình khoa	Huyện (Châu) - Phủ Tỉnh: Tổng đốc, Tuần phủ, Bổ chính, Án sát, Lãnh binh Kinh đô - Phủ Doãn đường (Phủ Thừa Thiên) Kinh đô Huế
Cơ quan tư pháp - tổ tụng trung ương	Ngự sử đài [Hình quan] [Tri từ tụng] Lục phiên Chánh đường phủ Chúa (Ngũ phủ, Phủ liêu) Đại thần Hội đồng Tranh biện và Quyết tụng Triều đình Trung ương Công đồng xử đoán (Tham tụng & Bồi tụng) Vua (Chúa)	Hình Bộ Đô sát Viện (Khoa - Đạo) Đại lý Tự Tam pháp Ty Công đồng - Đình nghị Hội đồng Tam pháp Ty (Hội đồng Chung thẩm) Quyết tụng Trung ương Vua

Nguồn: *Quốc triều hình luật*, *Hoàng Việt luật lệ* và *Quốc triều khám tụng điều lệ*

3. Giá trị cơ bản của hệ thống tư pháp tổ tụng triều Nguyễn

Có thể khái lược 5 giá trị cơ bản như sau: (i) Bảo vệ quốc gia về chủ quyền dân tộc, bảo vệ thể chế chính trị, văn hóa, xã hội, tư tưởng của nhà nước và pháp luật phong kiến quân chủ; (ii) bảo vệ nền hành chính, quản lý, xử lý vi phạm trong mọi lĩnh vực về: hình sự, dân sự, gia đình hôn nhân, đất đai, tài chính, hành chính, quan chế; phát triển xã hội; (iii) Bảo vệ sự phát triển kinh tế, xử lý vi phạm về đất đai, tài sản trong giao dịch hợp đồng, thương mại và thừa kế; bảo vệ quyền sử dụng điền sản, thổ canh, thổ cư, bảo đảm nghĩa vụ nộp tô, đóng thuế; bảo vệ nền kinh tế nông nghiệp, kiểm soát công thương; (iv) Bảo vệ con người, bảo vệ cá nhân, gia đình, luân lý, cộng đồng, bảo vệ quyền tài sản của các thành viên trong gia đình, quyền của phụ nữ, người già, trẻ em, người tàn tật; (v) Thực thi quy trình tổ tụng hiệu quả trong thực tiễn áp dụng, nguyên tắc pháp trị được đề cao.

Trên cơ sở tiếp cận văn bản và so sánh hệ thống, có thể nhận diện 6 đặc điểm của tư pháp tổ tụng triều Nguyễn, đó là: (i) Không tách biệt luật nội dung, luật hình thức và thủ tục tổ tụng; luật hình thức, thủ tục thường bắt nguồn từ luật nội dung và hướng tới mục tiêu đạt hiệu quả trong xử lý vi phạm và xét xử đối với cá nhân, gia đình, xã hội; (ii) Không có sự độc lập hoàn toàn về tổ chức và vận hành quyền lực giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, quân sự, an ninh; hệ thống này luôn được vận hành liên thông, đồng bộ, thống nhất, hướng đến mục đích và hiệu quả và chung của quốc gia; (iii) ranh giới giữa các loại tổ tụng chỉ mang tính tương đối: tổ tụng hình, tổ tụng dân, tổ tụng hành chính, kỷ luật công vụ và tổ tụng về quân sự; chủ yếu phân loại theo mức độ nặng nhẹ, nghiêm trọng hay không nghiêm trọng của vụ việc; (iv) Tính pháp trị được coi trọng: cơ quan tiến hành tổ tụng, người tiến hành tổ tụng, thẩm quyền, trách nhiệm của quan lại, của các cấp xét xử

trong hệ thống hành chính tư pháp, quân sự an ninh, phải nghiêm cần tuân thủ pháp luật⁶. Tất cả đều được vận hành thống nhất trong chính thể quân chủ; (v) Việc xử phạt quan án rất nghiêm khắc khi vi phạm pháp luật, họ đều bị giáng phẩm trật, bãi chức tước hoặc bị xử đồ, lưu, tử và phải lấy tài sản của mình để bồi thường khi gây thiệt hại đối với cả việc công và việc tư (có thể đây là những giá trị cho một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh đề hướng tới mục tiêu dân quyền, dân sinh); (vi) Cách phân loại thủ tục tố tụng theo từng loại vụ việc: điểm này cũng rất có ý nghĩa trong thời đại mới bởi tính phức tạp của xã hội khoa học công nghệ 5.0 và mối liên hệ quốc tế đa chiều, đa ngành, thì yêu cầu về thủ tục tố tụng chuyên ngành, chuyên sâu, chuyên biệt, chuyên nghiệp càng cần phải được nghiên cứu xây dựng, phát triển đồng bộ, liên ngành, liên thông, thống nhất; kết nối quốc gia, khu vực và thế giới. Điều này chi phối chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, kết nối cơ sở hạ tầng vật chất với khoa học công nghệ, mở các phiên tòa trực tuyến, đồng thời cũng phải đảm bảo quyền riêng tư, quyền công dân, kiến tạo và bảo hộ nền tư pháp quốc gia thông minh trong mối quan hệ toàn cầu.

4. Bài học kinh nghiệm của hệ thống tư pháp tố tụng triều Nguyễn trong cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay

4.1. Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở nhìn nhận khách quan về triều Nguyễn, có thể rút ra một số bài học đối với quá trình cải cách tư pháp, xây dựng thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay như sau:

Một là, quyền lực kinh tế và quân sự vẫn là nền gốc của quyền lực tư pháp, từ đó chi phối cả lập pháp, hành pháp, chi phối nền an ninh và công lý của người Việt trong khu vực và trên thế giới. Trong đó, quản trị hành chính, tài chính, quân sự và công nghệ là cột trụ của “quản trị công mới” về tư pháp xét xử.

Hai là, cơ chế Hội đồng cấp cao thẩm xét án từ cả nước như: Công đồng, Đình nghị, Tam pháp Ty với sự thành lập “Hội đồng Thẩm phán Tối cao”, “Tòa án cấp cao khu vực”, hình thành Án lệ, thông lệ tư pháp, kết hợp hài hòa kinh nghiệm truyền thống với đương đại. Cùng với việc phát huy các chế độ quản lý quan chức hành chính tư pháp nghiêm minh như “Lưu quan”, “Hồi ty”, “Khảo khóa”, “Dưỡng liêm” để từng bước nghiên cứu ứng dụng hiệu quả.

Ba là, sự liêm chính của tư pháp tố tụng là cơ sở đảm bảo tính thống nhất quyền lực, tính kỷ cương của một Đảng cầm quyền, kiểm soát quyền lực các cấp, cấp cao, tối cao. Theo đó, Đảng và Trung ương Đảng xây dựng cơ chế như Đô sát - Ngự sử, ở trên *Đài cao đàn hặc bách quan*. Hiện nay, Bộ chính trị, trung ương Đảng đã và đang ứng dụng cơ chế này, từng bước gan dục khơi trong, phòng chống tham nhũng và đã đạt được một số mục tiêu nhất định. Tuy nhiên, cần có một tầm xa hơn, đó là đào tạo một thể hệ cán bộ, công chức, viên chức, sống có lý tưởng, có ước vọng thực sự vì dân vì nước, là những bậc thánh nhân quân tử, lưu tâm nghiệp lớn, không vì ham muốn vật chất mà quên đi giá trị nhân phẩm của đời người. Các bậc chính nhân quân tử “đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, biết “cải biến người xấu thành người tốt”. Đạo đức nhân sinh vẫn là nền gốc của thể chế tư pháp nhân quyền và pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hoàng đế Gia Long đã từng viết trong Lời tựa *HVLL*, luật pháp phải được thực thi bởi quan chức thanh liêm, đạo nghĩa để “khiến cho Bộ luật như mặt trời mặt trăng không còn chỗ nào bị che khuất nữa” và “những điều nghiêm trị, sáng như ánh chớp, vang động như sấm sét không thể sai phạm” (Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và cộng sự, 1996: 5, 6). Công lý chính là con đường của *Đạo đức kinh* trong Đạo giáo, là nhân sinh, thiên tâm cho cá nhân, gia đình, và cộng đồng quốc gia trong Phật Nho Đạo Pháp; như vua Hammourabi đã từng khắc ghi trong Bộ luật của thành Babylon, đó cũng là mong ước của các dân tộc trên đất nước Đại Việt Nam Quốc và toàn thể nhân loại, để công lý soi tỏ đến tận dân đen như ánh sáng của thần Samát - thần mặt trời và sự sống muôn loài.

⁶ Hoàng đế Minh Mệnh xử lý rất nghiêm quan lại, kể cả những người trong Hoàng tộc khi phạm pháp.

4.2. Đề xuất giải pháp

Nghiên cứu về hệ thống tư pháp xét xử triều Nguyễn có thể đưa ra một số giải pháp trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như sau:

Thứ nhất, đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm, đãi ngộ: Tuyển dụng nhân sự có phẩm chất đạo đức, nhân trí dũng, có tài đức trong cơ quan tư pháp tổ tụng, bởi nước trị hay loạn cốt ở trăm quan. Liên thông đội ngũ lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cùng cố Học viện Tòa án, học viện Tư pháp đào tạo thực hành ứng dụng công nghệ, “quản trị công mới” trong ngành tư pháp (Lê Ngọc Hùng, 2022: 128-136).

Thứ hai, xây dựng chế độ trách nhiệm công vụ tư pháp nghiêm minh: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể, với cơ chế 3 bên, 3 hệ, 3 tầng trong hoạt động tổ tụng: bên nguyên, bên bị, bên tòa; bên công tố giám sát, cơ quan điều tra, cơ quan xét xử và thi hành án, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, khoa học, hợp lý, thống nhất, đồng bộ, thông minh, hiệu quả. Xây dựng chế độ “đường liêm”, “lưu quan”, “hồi ty” trong công vụ tư pháp.

Thứ ba, phân loại tổ tụng theo vụ việc chuyên nghiệp, chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội công nghệ kết nối khu vực và toàn cầu: Đây là một trong những giá trị đặc sắc nhất của quy trình tư pháp tổ tụng quân chủ có ý nghĩa trong xây dựng thể chế tổ tụng pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Các loại vụ việc nóng như: án hành chính, án đất đai, án tham nhũng, án vi phạm nền quản trị công, án trong lĩnh vực giáo dục, y tế, đầu tư, giao thông, thương mại, tài chính, ngân hàng, giao dịch điện tử, AI... đều cần xây dựng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký, luật sư chuyên nghiệp, chuyên sâu, theo loại vụ việc, đáp ứng yêu cầu của tư pháp tổ tụng thời công nghệ 5.0.

Thứ tư, giám sát, kiểm soát 3 tầng, 3 bên trong quá trình thực thi pháp luật tại cơ quan tư pháp tổ tụng, áp dụng các chế tài thưởng phạt nghiêm minh; sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm; tái thẩm và thủ tục tổ tụng rút gọn, đặc biệt, cá biệt hoặc xét xử kín hoặc lưu động; kết hợp giám sát trong, giám sát ngoài và giám sát độc lập; tất cả đều hướng tới tính khách quan, minh bạch, pháp chế của hệ thống tư pháp tổ tụng; chống sự độc quyền, lạm dụng, tham nhũng hoặc tha hóa của chế độ công vụ tư pháp, bê cong hoặc làm sai lệch công lý tòa án.

Thứ năm, cơ chế “hoán đổi chế tài bằng tiền” đối với một số loại tội hình sự nhẹ hoặc các tội có liên quan đến tiền tệ, tài chính và tài sản công, tư. Đây là một vấn đề có rất nhiều tranh luận: một bên ủng hộ, một bên phản ứng. Theo chúng tôi, đây là một cơ chế thông minh của thời đại công nghệ và nhân quyền. Đây là giá trị quan trọng của nền cổ luật truyền thống. Đi từ “thực tội”, phạt tiền và cho phép “chuộc hình phạt bằng tiền” như nền cổ luật đã thiết kế “sự hoán đổi theo quy luật giá trị” đồng thuận với triết học pháp quyền của Aristoteles.

Thứ sáu, xây dựng hệ thống Án lệ: cần có kế hoạch và một cơ quan trung ương chuyên nghiệp với “Hội đồng xây dựng án lệ trung ương” hình thành Lệ án. Thông qua quy trình này, xây dựng các mẫu án, cho phép các thẩm phán căn vào đó làm mẫu mực để xét xử. Trong thời đại công nghệ AI, 5.0, Án lệ cần được thống kê, nghiên cứu, phân loại, mã hóa, đảm bảo tính mẫu mực trong hoạt động tư pháp tổ tụng, dự liệu tình huống, xử lý những vấn đề mới đặt ra.

Thứ bảy, lưu trữ án từ theo loại vụ việc là một yêu cầu quan trọng và thực sự cần thiết. Đó là những tư liệu phục vụ cho ngành Khoa học pháp lý trong thời đại công nghệ số hóa, nghiên cứu có hệ thống về tụng đình ở Việt Nam một cách khách quan, toàn diện, cụ thể. Điều này cũng đồng thời tạo lập ý thức, kỹ năng nghiên cứu Án lệ - Lệ án giúp cho các thẩm phán cẩn trọng hơn và ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của mình khi ra phán quyết trước số phận của con người, nhân sinh và tài sản.

Thứ tám, dưới góc nhìn lịch sử, Đề án do Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao giải trình trước Ủy ban Tư pháp Quốc hội ngày 7/9/2023 về Dự thảo Luật Tổ chức TAND sửa đổi, theo đó, dự kiến đổi tên hệ thống tòa án thành 4 cấp: Tòa án nhân dân cấp Sơ thẩm (cấp huyện, quận, thị trấn), Tòa Phúc thẩm (cấp tỉnh, thành phố - thẩm quyền xét xử các vụ sơ thẩm có yếu tố nước ngoài hoặc có ảnh hưởng đến các tỉnh thành phố), Tòa Cấp cao (3 khu vực, nguồn nhân sự cho Tòa án Tối cao) và

Tòa án Tối cao (nguồn xây dựng Hội đồng Thẩm phán trung ương) cũng có thể khả thi. Về ngạch bậc thẩm phán: 2 ngạch, 9 bậc (mỗi bậc ứng với 3 năm: $3 \times 9 = 27$ năm) là tương đối phù hợp; gồm: thẩm phán chính ngạch và thẩm phán cấp cao; thẩm phán tập sự (thư ký thẩm phán) có thể tính khoảng 3 năm, cá biệt có thể rút ngắn 2 năm hoặc kéo dài 5 năm. Cần có cơ chế đặc biệt cho việc thu hút nhân tài từ các ngành chuyên môn, đào tạo bổ sung ngạch thẩm phán có yếu tố nước ngoài, đảm bảo hiệu quả trong thời đại công nghệ AI.

Từ lý luận, quy phạm đến ứng dụng, pháp luật tố tụng triều Nguyễn đều thể hiện tính tiến bộ với những thành tựu và giá trị bền vững, hướng đến mục tiêu vì thống nhất và phát triển quốc gia, vì công lý và quyền con người, bảo vệ tự nhiên với những phán quyết nghiêm minh và nhân nghĩa. Đó cũng là con đường kiến tạo nền tư pháp liên chính trong thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ xã hội công dân, với thước khuôn của luật và tính tối thượng của luật nhân quyền.

5. Kết luận

Nghiên cứu đánh giá pháp luật triều Nguyễn nói chung và hệ thống tư pháp tố tụng triều Nguyễn nói riêng vẫn còn rất nhiều vấn đề bỏ ngỏ. Một số văn bản pháp luật triều Nguyễn đến nay vẫn chưa được dịch thuật, hệ thống hóa và công bố. Bài viết này chỉ mới phần nào gợi mở một số giá trị và đóng góp của triều Nguyễn trong lịch sử nước nhà. Dòng họ Nguyễn ở Việt Nam và triều Nguyễn thực sự vẫn là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn với rất nhiều giá trị tiềm tàng cần được khai thác, tiếp cận, nhận diện. Qua đó hiểu rõ hơn về những thành tựu, những giá trị và bài học từ lịch sử để có thể học tập, phát huy trong thời đại công nghệ số hóa, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, công bằng và văn minh.

Tài liệu tham khảo

- Chế độ pháp luật triều Thanh*. (2014). Nxb. Bắc Kinh. [清朝的法律制度].
<http://lesson.ruclcc.com/article/default.asp?id=94>
- Đại Minh luật*. (1998). Nxb. Pháp luật, Bắc Kinh. [大明律 (1998) 法律出版社, 北京].
- Đại Thanh luật lệ*. (1999). Nxb. Pháp luật, Bắc Kinh. [大清律例 (1999) 法律出版社, 北京].
- Huỳnh Công Bá. (2017). *Định chế pháp luật và tố tụng triều Nguyễn (1802-1885)*. Nxb. Thuận Hóa.
- Lê Ngọc Hùng. (2022). Cải cách hành chính công: từ mô hình truyền thống đến mô hình hậu quản lý công mới, *Lý luận chính trị*. Số 535. [New Public Management - Governance. Post - New Public Management. Neo - Weberian - STATE].
- Nguyễn Thị Thu Thủy. (2012). *Tính tích cực của “Hoàng Việt luật lệ” và giá trị của nó đối với nền tư pháp Việt Nam hiện đại*. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV.
- Nguyễn Sỹ Giác. (Dịch và chú giải). (1993). *Đại Nam Điển lệ toát yếu*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu. (1996). *Hoàng Việt luật lệ*. t.1, 2, 3, 4. Nxb. Văn hoá - Thông tin.
- Nội các triều Nguyễn. (2008). *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*. t.1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1994). *Minh Mệnh chính yếu*. Nxb. Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. Tổng tài Cao Xuân Dục. (2011). *Quốc triều luật lệ toát yếu*. Nxb. Tư pháp.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. t.1. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. t.2. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2005). *Đại Nam thực lục*. t.3. Nxb. Giáo dục.
- Taylor K.W. (2013). *A History of the Vietnamese*. Cambridge University Press.
- Vũ Quốc Thông. (1967). *Pháp chế sử Việt Nam*. Tủ sách Đại học. Sài Gòn.
- Viện Sử học Việt Nam. (1991). *Quốc triều hình luật*. Nxb. Pháp lý.
- Yoshiharu Tsuboi. (1992). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. Hội sử học Việt Nam. Nxb. Tri thức.